TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH HÓA** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Nhân.

2. Ông Đinh Hồng Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 2, ấp 1, xã Ph A, huyện T2, tỉnh Đồng Nai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn M1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn V2, xã HH, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh M1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph A, huyện T2, tỉnh Đồng Nai vào ngày 02/3/2020. Sau khi kết hôn, chị T và anh M1 chung sống tại xã Ph A, huyện Phú Tân, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến này 23/01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau nay đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được,

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M1.

- *Về con chung:* Chị T và anh M1 có 01 con chung tên Đinh Nguyễn Nhã Uyên, sinh ngày 17/4/2021, hiện nay đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn M1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh M1 và chị T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Mâu thuẫn kéo dài và nhiều lần. Do đó, anh M1 và chị T không thể sống chung với nhau. Vì vậy, từ tháng 01/2023, anh trở về quê hương sinh sống tại thôn V2, xã HH, huyện M1 Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn, anh M1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- *Về con chung:* Anh M1 và chị T có 01 con chung tên Đinh Nguyễn Nhã Uyên, sinh ngày 17/4/2021, hiện nay đang chung sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh M1 đồng ý để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh M1 tự nguyện chấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn và được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với anh Đinh Văn M1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đinh Văn M1 có nơi cư trú tại thôn V2, xã HH, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị T là tự nguyện có xác nhận của UBND xã. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đinh Văn M1. Chị T và anh M1 tự tìm hiểu nên tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph A, huyện T2, tỉnh

Đồng Nai vào ngày 02/3/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi với nhau trong cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh M1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T yêu cầu xin ly hôn với anh M1 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đinh Văn M1 xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Nguyễn Nhã Uyên, sinh ngày 17/4/2021, hiện nay con chung đang sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân. Để ổn định cuộc sống cho cháu Uyên và xét nguyện vọng của chị T và anh M1 Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng khi yêu cầu ly hôn chị T không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con và tại bản tự khai anh M1 chấp nhận tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh M1 đối với con chưa thành niên nhằm mang lại cuộc sống tốt nhất cho cháu Uyên, bên cạnh đó, sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Đinh Văn M1 phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: *Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Đinh Văn M1;

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02-2020 do Ủy ban nhân dân xã Ph A, huyện T2, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đinh Văn M1 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đinh Nguyễn Nhã Uyên, sinh ngày 17/4/2021 anh M1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Uyên tròn 18 tuổi, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ 11/2023.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đinh Văn M1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai số 0000800 ngày 20/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M1 Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Anh Đinh Văn M1 phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quốc Hoàn